

Số: /2026/NQ-HĐND

Thượng Quan, ngày tháng năm 2026

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 148/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 2121/STP-XDVB ngày 08/7/2026 của Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên về việc hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND cấp xã;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã quy định một số nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra

của các Ban Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp....; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân xã ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức khoán chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Thượng Quan.
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Thượng Quan.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung chi, mức khoán chi và định mức khoán đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã

1. Nội dung chi, mức khoán chi và danh mục nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, trong xây dựng quyết định là văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã thực hiện theo **Phụ lục I** ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã thực hiện theo **Phụ lục II** ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Tổng mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết Hội đồng nhân dân xã và quyết định của Ủy ban nhân dân xã thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục I; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại **Phụ lục I**; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại **phụ lục II** ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, tham chiếu định mức khoán chi cho từng lĩnh vực hoạt động tương ứng với các sản phẩm tại **Phụ lục II** kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt mức khoán chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại **Phụ lục I** ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng định mức khoán chi quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách xã bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026.
2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thượng Quan khóa XXI, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng CM, ĐV thuộc UBND xã;
- Công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Phạm Thanh Tuấn

PHỤ LỤC I

Nội dung chi, mức chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Thượng Quan

(kèm theo Dự thảo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của HĐND xã Thượng Quan)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi ¹	Nhiệm vụ soạn thảo ²	Nhiệm vụ thẩm định ³	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình HĐND, UBND ⁴	Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua ⁵
I	Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã					
1	Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	10.000.000	6.000.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
2	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên (mức chi bằng 100% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	10.000.000	6.000.000	2.000.000	1.000.000	1.000.000
3	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết (mức chi bằng 60% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	6.000.000	3.600.000	1.200.000	600.000	600.000
4	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết (mức chi bằng 30% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	3.000.000	1.800.000	600.000	300.000	300.000
II	Đối với Quyết định của Ủy ban nhân dân xã					
1	Quyết định mới hoặc Quyết định thay thế Quyết định hiện hành	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
2	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên (mức chi bằng 100% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	8.000.000	5.000.000	2.000.000	1.000.000	
3	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định (mức chi bằng 60% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	4.800.000	2.800.000	1.200.000	800.000	
4	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định (mức chi bằng 30% mức chi xây dựng 01 văn bản mới)	2.400.000	1.600.000	500.000	300.000	

¹ Theo khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

² Đơn vị chủ trì nhiệm vụ soạn thảo là đơn vị dự toán.

³ Văn phòng HĐND và UBND xã là đơn vị dự toán.

⁴ Văn phòng HĐND và UBND xã là đơn vị dự toán.

⁵ Văn phòng HĐND và UBND xã là đơn vị dự toán.

PHỤ LỤC II**Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra trình HĐND, UBND xã Thượng Quan***(kèm theo Dự thảo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của HĐND xã Thượng Quan)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶								
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã				
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định	
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO										
1	Xây dựng Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân xin chủ trương xây dựng dự thảo văn bản; Tờ trình đăng ký xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND; dự thảo Tờ trình và các tài liệu có liên quan.	Dự thảo Tờ trình/Tờ trình	1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	

⁶ Căn cứ Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND tỉnh về quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh. Việc xác định mức chi tại Phụ lục này được thực hiện trên cơ sở các mức chi theo quy định hiện hành, đồng thời rà soát, đối chiếu với tính chất, nội dung, khối lượng, mức độ phức tạp của từng hoạt động, sản phẩm và yêu cầu thực tế trong tổ chức thực hiện tại cấp xã; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của xã Thượng Quan. Trường hợp mức chi được xác định thấp hơn mức chi tối đa theo quy định của cấp có thẩm quyền thì thực hiện theo mức được quy định tại Phụ lục này.

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo sơ bộ, dự thảo do Tổ soạn thảo thống nhất và dự thảo báo cáo lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo trước khi xin ý kiến, đăng tải công khai hoặc đánh giá tác động ảnh hưởng)	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.000.000	2.000.000	1.200.000	600.000	1.500.000	1.500.000	900.000	450.000
3	Các nhóm hoạt động liên quan đến tổ chức lấy ý kiến dự thảo, đăng tải trên môi trường điện tử, bao gồm:	Bản so sánh, thuyết minh								
3,1	<i>Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo.</i>	<i>nội dung dự thảo</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>	<i>400.000</i>	<i>400.000</i>	<i>240.000</i>	<i>120.000</i>
3,2	<i>Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý</i>	<i>Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>	<i>400.000</i>	<i>400.000</i>	<i>240.000</i>	<i>120.000</i>
3,3	<i>Chi hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)⁷</i>	<i>Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>	<i>500.000</i>	<i>500.000</i>	<i>300.000</i>	<i>150.000</i>

⁷ Mức chi hỗ trợ tại mục 3.3 là tổng kinh phí hỗ trợ tối đa cho tất cả các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)

[illegible]

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
1	Văn phòng HĐND và UBND xã thẩm định độc lập hoặc tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Văn phòng HĐND và UBND xã mời đại diện phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia,... tham gia cuộc họp Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định.	Một hoặc một số sản phẩm như sau: - Dự thảo Báo cáo thẩm định sơ bộ của chuyên viên/ý kiến thẩm định của Phòng chuyên môn hoặc tổ thẩm định (nếu có) - Báo cáo thẩm định chính thức của VP HĐND và UBND xã - Văn bản, biên bản họp - Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến thể hiện trong biên bản cuộc họp.	2.000.000	2.000.000	1.200.000	600.000	2.000.000	2.000.000	1.200.000	500.000
	Tổng II		2.000.000	2.000.000	1.200.000	600.000	2.000.000	2.000.000	1.200.000	500.000
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN									
1	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân xã; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo	Phiếu lấy ý kiến thành viên UBND xã, lãnh đạo UBND xã hoặc Kết luận của	500.000	500.000	300.000	150.000	500.000	500.000	300.000	200.000

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi ⁶							
			Nghị quyết của HĐND xã				Quyết định của UBND xã			
			Nghị quyết mới hoặc Nghị quyết thay thế Nghị quyết hiện hành	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung từ 02 Nghị quyết trở lên	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung 01 Nghị quyết	Nghị quyết bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Nghị quyết	Quyết định mới hoặc quyết định thay thế Quyết định hiện hành	Quyết định sửa đổi, bổ sung từ 02 Quyết định trở lên	Quyết định sửa đổi, bổ sung 01 Quyết định	Quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ Quyết định
	Ủy ban nhân dân xã.	UBND xã.								
2	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.	500.000	500.000	300.000	150.000	500.000	500.000	300.000	200.000
	Tổng III		1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	1.000.000	600.000	400.000
IV	NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH THÔNG QUA									
1	Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp	Báo cáo thẩm tra	500.000	500.000	300.000	150.000	0	0	0	0
2	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	500.000	500.000	300.000	150.000	0	0	0	0
	Tổng IV		1.000.000	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	1.000.000	600.000	300.000
	Tổng I + II + III + IV		10.000.000	10.000.000	6.000.000	3.000.000	8.000.000	8.000.000	4.800.000	2.400.000